

TÍNH KHOA HỌC TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT BÀI HỌC TỪ THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM

ThS. Lâm Văn Kha

● **TÓM TẮT:** Trên thực tế, hệ thống pháp luật nước ta ngày càng phát triển cân đối hơn trên phương diện cấu trúc và phương diện nguồn của pháp luật. Tuy nhiên, so với yêu cầu thì vẫn còn những bất cập cần được khắc phục để pháp luật được xây dựng với quy trình chặt chẽ, khoa học, dân chủ, thể hiện được đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân, bảo vệ lợi ích nhà nước... Vì vậy, đổi mới tư duy, quan điểm, quy trình xây dựng luật là một trong những yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo đột phá mạnh mẽ hơn về thể chế phát triển, tháo gỡ điểm nghẽn.

● **Từ khóa:** Tính khoa học trong xây dựng luật; Bài học từ thực tiễn; quy trình chặt chẽ, dân chủ...

● **ABSTRACT:** In fact, Vietnam's legal system has become increasingly balanced in terms of structure and legal sources. However, compared to actual requirements, there are still shortcomings that need to be addressed so that laws can be developed through a rigorous, scientific, and democratic process, fully reflecting the will and aspirations of the people while safeguarding state interests. Therefore, renewing the mindset, perspectives, and processes of law-making is among the key tasks and priorities to create stronger institutional breakthroughs and remove existing bottlenecks.

● **Keywords:** Scientific approach in law-making; lessons from practice; rigorous and democratic process.

Ngày nhận bài: 13/8/2025

Ngày bình duyệt: 05/9/2025

Ngày duyệt đăng: 10/9/2025

Tính khoa học trong xây dựng pháp luật được hiểu là việc dựa trên phương pháp luận khoa học, quy trình logic, có căn cứ lý luận và thực tiễn vững chắc trong việc xây dựng các quy phạm pháp luật. Điều này thể hiện ở: Sự rõ ràng, minh bạch trong mục tiêu và nội dung của văn bản pháp luật; Cơ sở lý luận chặt chẽ, gắn với thực tiễn đời sống xã hội; Dựa trên các nghiên cứu định lượng, định

tính, khảo sát xã hội học và tổng kết thực tiễn; Có sự đánh giá tác động của chính sách một cách toàn diện trước khi ban hành.

Tính khoa học trong xây dựng pháp luật là yêu cầu khách quan đòi hỏi quá trình xây dựng văn bản pháp luật phải dựa trên các cơ sở lý luận vững chắc, các dữ liệu thực tiễn đáng tin cậy, tuân thủ quy luật khách quan của đời sống xã hội và vận dụng phương pháp luận khoa học. Điều đó thể hiện qua

các việc: Văn bản pháp luật phản ánh đúng thực tiễn và nhu cầu điều chỉnh thực tế; Sử dụng hệ thống khái niệm, thuật ngữ rõ ràng, chính xác; Cấu trúc logic, hợp lý giữa các phần, các điều khoản; Tuân thủ các nguyên tắc lập pháp hiện đại và hệ thống pháp luật quốc gia.

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM TỪNG BƯỚC ĐƯỢC HOÀN THIỆN

Pháp luật là công cụ quan trọng nhất để quản lý xã hội, điều chỉnh hành vi của con người và bảo đảm trật tự, công bằng trong đời sống. Việc xây dựng pháp luật không thể tùy tiện, chủ quan mà cần tuân thủ những nguyên tắc nhất định, trong đó tính khoa học đóng vai trò then chốt. Bài viết này nhằm làm rõ nội hàm của tính khoa học trong xây dựng pháp luật, vai trò và những yêu cầu đặt ra để bảo đảm tính khoa học trong quá trình lập pháp.

Không thể phủ nhận hệ thống pháp luật nước ta ngày càng phát triển cân đối hơn trên phương diện cấu trúc và phương diện nguồn của pháp luật. Nhờ vậy, những ưu điểm có được cũng không khó để được nhìn nhận một cách công bằng. Pháp luật trở thành công cụ chủ yếu để quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đặc biệt sau gần 40 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước ta đã từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn thiện hệ thống chính trị, tạo môi trường pháp lý cho việc hội nhập quốc tế. Các chế định pháp luật ngày càng được phân hóa và cụ thể hơn. Các nguyên tắc pháp luật từng bước được xác định và thể hiện đầy đủ, rõ ràng hơn. Toàn bộ hệ thống pháp luật được phát triển theo những định hướng phục vụ cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Quá trình hoàn thiện của hệ thống pháp luật được thể hiện rõ trong các lĩnh vực cụ thể:

- Trong lĩnh vực tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, nhiều văn bản pháp luật được xây dựng và ban hành với những đổi mới tích cực theo hướng đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều đó thể hiện ở việc chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, nội dung và trách nhiệm công vụ được phân định rành mạch, rõ ràng hơn.

- Trong lĩnh vực kinh tế, nhiều đạo luật quan trọng tạo môi trường pháp lý phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã được ban hành; các quy định mang tính hành chính, mệnh lệnh điều chỉnh các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại từng bước được thay thế bằng các quy định bình đẳng, ngang quyền phù hợp với luật dân sự và tập quán pháp lý, góp phần giảm thiểu sự can thiệp bằng biện pháp hành chính của các cơ quan nhà nước vào các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại và hoạt động của các doanh nghiệp, giảm cơ chế xin - cho; nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm trong hoạt động kinh doanh đã được xác lập.

- Trong lĩnh vực xã hội, pháp luật về lao động, xóa đói giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, ưu đãi xã hội, dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực xã hội khác đã được quan tâm xây dựng, góp phần hạn chế những tiêu cực của kinh tế thị trường...

- Trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, pháp luật phát triển theo hướng xã hội hóa một phần hoạt động giáo dục và đào tạo; đa dạng hóa các hình thức giáo dục và đào tạo; gắn kết khoa học - công nghệ với thực tiễn; tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, pháp luật được hình

thành, phát triển vững chắc và ngày càng được tăng cường, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác. Hoạt động trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh từng bước được thể chế hóa; pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự ngày càng được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ công lý, đấu tranh phòng, chống tội phạm; pháp luật về vi phạm hành chính từng bước được cụ thể hóa theo các lĩnh vực khác nhau của quản lý nhà nước.

- *Trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế*, pháp luật ngày càng được quan tâm xây dựng và hoàn thiện. Nhà nước ta đã ký kết hoặc gia nhập nhiều điều ước quốc tế phục vụ cho chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế. Vai trò, vị trí của điều ước quốc tế trong điều chỉnh các quan hệ xã hội được nâng cao. Việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế đi vào trật tự do pháp luật quy định; điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập dần trở thành một bộ phận không thể tách rời của hệ thống pháp luật.

Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng thời mang lại những ưu điểm cần có trong kết cấu của hệ thống, cụ thể là:

- *Tăng cường tính tập trung, thống nhất*: Hệ thống pháp luật Việt Nam do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, đảm bảo tính tập trung, thống nhất trong toàn hệ thống, tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động kinh tế, xã hội.

- *Tăng cường sự tham gia của nhiều cấp, ngành*: Quá trình xây dựng pháp luật có sự tham gia của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án, Viện Kiểm sát, và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phản ánh ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

- *Gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội*: Pháp luật được ban hành theo các chiến lược, kế hoạch phát triển đất nước, góp phần điều chỉnh và thúc đẩy sự phát triển của các lĩnh vực.

Quá trình xây dựng pháp luật ở Việt Nam có ưu điểm về tính tập trung, thống

nhất và sự tham gia của nhiều cấp, nhiều ngành, nhưng còn hạn chế ở tính kịp thời, tính khả thi, và công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN

Bên cạnh những ưu điểm của quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực tế vẫn cho thấy, hệ thống pháp luật của nước ta vẫn còn bị ảnh hưởng bởi tư duy coi pháp luật chủ yếu là công cụ để quản lý xã hội. Chính vì vậy, nhiều văn bản pháp luật được xây dựng theo hướng để quản lý chứ chưa phải để tạo lập môi trường pháp lý theo tư duy nhằm kiến tạo sự phát triển của xã hội. Nói cách khác, những hạn chế vẫn còn nhiều.

Trong bài viết “Phát huy tính Đảng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, Tổng Bí thư Tô Lâm chỉ rõ: *Phải có quy trình xây dựng pháp luật chặt chẽ, khoa học, dân chủ để chính sách, pháp luật thể hiện được đầy đủ ý chí, nguyện vọng của nhân dân, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân, khuyến khích đổi mới sáng tạo, thu hút mọi nguồn lực cho sự phát triển; nhưng cũng phải linh hoạt để kịp thời phản ứng chính sách, có giải pháp xử lý kịp thời các vấn đề thực tiễn phát sinh làm chậm sự phát triển theo nguyên tắc bảo vệ, bảo đảm lợi ích của quốc gia, dân tộc là trước hết và trên hết*. Vấn đề đồng chí Tổng Bí thư nêu ra thực sự có tính cấp thiết hiện nay.

Trong cơ chế và quy trình làm luật hiện nay, việc đề xuất chính sách cũng như soạn thảo các dự án luật vẫn phần nhiều được thực hiện bởi các cơ quan quản lý lĩnh vực chuyên ngành và không loại trừ khả năng bị chi phối bởi lợi ích cục bộ. Đã đến lúc cần thay đổi tình trạng đó. Nếu không, rất có thể các đạo luật được ban hành chỉ nhằm mục đích kiểm soát, quản lý thuần túy, không đáp ứng được yêu cầu kiến tạo hành lang an toàn, môi trường thuận lợi cho quá trình phát triển, hội nhập quốc tế, thậm chí trở nên kìm hãm sự phát triển.

Công tác xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật vẫn còn một số bất cập, hạn chế: (1) Tư duy về xây dựng pháp luật vẫn theo kiểu cũ, chủ yếu là “bổ sung, sửa đổi”, ít tập trung vào xây dựng mới. Chất lượng pháp luật chưa cao, tính khả thi còn hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, thậm chí một số luật vừa mới ban hành đã phải sửa đổi. (2) Một số chủ trương, định hướng lớn của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ. (3) Hệ thống pháp luật còn chồng chéo, các quy định không thống nhất, chồng chéo, thiếu rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút, khơi thông và giải phóng các nguồn lực đầu tư cho phát triển. (4) Tổ chức thi hành pháp luật, chính sách vẫn là khâu yếu, tồn tại dai dẳng chưa khắc phục được. Ý thức chấp hành pháp luật nhìn chung chưa nghiêm. Kỷ cương, phép nước có nơi bị xem nhẹ. Xử lý vi phạm pháp luật còn chưa kịp thời, chế tài xử lý ở một số lĩnh vực chưa đủ sức răn đe. (5) Việc nghiên cứu, ban hành chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với những vấn đề mới phát sinh còn chậm nên chưa tạo được khung khổ pháp lý thúc đẩy phát triển, nhất là về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và các động lực tăng trưởng mới. (6) Tính toàn diện, đồng bộ, cân đối của hệ thống pháp luật tuy có cải thiện nhưng vẫn còn sự chênh lệch lớn về số lượng văn bản và mức độ hoàn thiện của pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau. (7) Tính công khai, minh bạch của hệ thống pháp luật còn bất cập - Những sai phạm về hình thức văn bản vẫn xảy ra. (8) Thực tế hiện nay là trong quy trình lập pháp hiện nay, cơ quan soạn thảo và trình luật chỉ có trách nhiệm soạn thảo và trình dự án luật ra Quốc hội cho ý kiến lần thứ nhất, sau đó Ủy ban Thường vụ Quốc hội sẽ là cơ quan chủ trì tiếp thu, chỉnh lý và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ hai để xem xét, thông qua. Như vậy, hầu như cơ quan chủ trì soạn thảo không còn vai trò gì trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý và trình lại Quốc hội dự án luật mà ban đầu họ đề xuất chính sách và xây dựng dự luật dựa

trên chính sách đó. Đây là một hạn chế nên nghiên cứu khắc phục.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT Ở VIỆT NAM

Để xây dựng một hệ thống pháp luật vững chắc, cần kết hợp hài hòa giữa pháp trị và đức trị, bảo đảm pháp luật vừa dựa trên nguyên tắc khoa học, vừa phù hợp với truyền thống xã hội và các quy chuẩn quốc tế. Hoạt động lập pháp phải thể hiện đầy đủ quyền và nguyện vọng của nhân dân. Các quy định pháp luật không chỉ cần rõ ràng mà còn cần tập trung vào các vấn đề trọng tâm, tránh quy định pháp luật quá chi tiết, dài dòng mà không thiết thực. Theo đó, cần đổi mới tư duy trong quá trình tổ chức xây dựng pháp luật.

Từ thực tiễn, có thể rút ra một số bài học quan trọng nhằm bảo đảm tính khoa học trong xây dựng pháp luật: Việc xây dựng pháp luật cần dựa trên những nghiên cứu sâu sắc về xã hội, kinh tế, văn hóa... để các quy định mang tính khả thi và phù hợp; Trước khi đề xuất ban hành một quy định pháp luật mới, cần có đánh giá đa chiều để lường trước các hệ quả tích cực và tiêu cực; Tăng cường tham khảo ý kiến từ các chuyên gia, doanh nghiệp, người dân và các đối tượng bị tác động để hoàn thiện nội dung luật; Khi xây dựng luật mới cần rà soát, đối chiếu với các luật hiện hành để tránh mâu thuẫn, chồng chéo.

Một số giải pháp cụ thể bao gồm:

1- Đổi mới nhận thức về bản chất, vai trò, chức năng của pháp luật, xác định rõ mục đích xây dựng pháp luật chủ yếu là kiến tạo phát triển: Theo đó, tiếp tục đổi mới tư duy trong việc nhìn nhận về bản chất, vai trò, chức năng của pháp luật để sử dụng pháp luật một cách đúng đắn, hiệu quả, phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước, phát triển xã hội Việt Nam theo hướng đề cao và phát huy bản chất xã hội, bản chất nhân văn, vai trò thuyết phục, sáng tạo của pháp luật. Tư duy mới là xây dựng pháp luật vì mục tiêu kiến tạo sự phát triển xã hội

chứ không phải là để quản lý, để cai trị xã hội. Đặc biệt, trong tiến trình hiện đại hóa pháp luật, phải thay đổi mạnh mẽ từ chỗ thụ động, chạy theo sự việc, hiện tượng xã hội và quan hệ xã hội sang chủ động, đón đầu và định hướng cho quan hệ xã hội để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ kinh tế xã hội mới phát sinh. Quá trình xây dựng pháp luật cần hướng đến coi trọng hơn những yếu tố thực tiễn và tính toán hiệu quả điều chỉnh pháp luật trên cơ sở lý thuyết dựa trên bằng chứng.

2- Cần tiếp cận hệ thống pháp luật, các lĩnh vực pháp luật theo hướng phát triển hiện đại: Theo đó, bảo đảm kết hợp hài hòa lý thuyết về pháp luật của chủ nghĩa Mác - Lênin với lý luận pháp luật hiện đại nhằm kiến tạo sự phát triển xã hội. Phát triển khoa học pháp lý, nâng cao chất lượng các cơ sở nghiên cứu và đào tạo pháp luật. Coi trọng đúng mức các công trình hướng đến ứng dụng thực tiễn.

3- Tích cực nghiên cứu đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật: Quy trình xây dựng pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng tăng cường trách nhiệm của từng cơ quan và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, đặc biệt là của Chính phủ, trong quy trình lập pháp. Hoàn thiện cơ chế phản biện xã hội, giải trình và tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Bảo đảm đồng bộ, kịp thời trong xây dựng chính sách, pháp luật giữa Quốc hội với Chính phủ, giữa các bộ, giữa Trung ương và địa phương...

4- Tăng đầu tư nguồn lực tài chính và nhân sự cho công tác xây dựng pháp luật:

Đổi mới cơ chế phân bổ kinh phí cho xây dựng pháp luật, bảo đảm đủ để đáp ứng một cách thực chất các yêu cầu đổi mới quy trình và nâng cao chất lượng của chính sách, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, nhất là việc điều tra, khảo sát thực tế, đánh giá tác động kinh tế xã hội của chính sách, pháp luật và việc lấy ý kiến của nhân dân, đặc biệt là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản. Thúc đẩy số hóa, mạng hóa, tối ưu hóa và tích hợp các nền tảng thông tin, dữ liệu và mạng lưới khác nhau trong lĩnh vực xây dựng pháp luật.

5- Có cơ chế bảo đảm kiểm soát và loại bỏ lợi ích nhóm tiêu cực trong xây dựng pháp luật: Trong đó phải bảo đảm sự tham gia của nhân dân nói chung và đối tượng chịu sự điều chỉnh của văn bản nói riêng. Bên cạnh việc ghi nhận quyền tham gia của nhân dân trong xây dựng pháp luật, cần phải bảo đảm loại bỏ những lợi ích nhóm tiêu cực (nghĩa là loại bỏ khả năng tham nhũng chính sách). Đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức, văn hóa liêm chính cho cán bộ, công chức, đảng viên, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạch định chính sách. Tăng cường các phương thức kiểm soát đối với hoạt động xây dựng pháp luật.

6- Giải pháp nâng cao tính khoa học trong xây dựng pháp luật: Tăng cường nghiên cứu lý luận và thực tiễn trước khi soạn thảo văn bản; Cải thiện năng lực của cơ quan, cán bộ lập pháp; Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo trong đánh giá tác động, so sánh pháp luật; Hoàn thiện quy trình lập pháp, tăng cường sự tham gia của người dân, chuyên gia, tổ chức xã hội trong quá trình xây dựng pháp luật; Chuẩn hóa hệ thống thuật ngữ pháp lý và nâng cao chất lượng kỹ thuật lập pháp./.